

- Dịch vụ đào tạo cắt và may công nghiệp ngắn hạn;

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Công ty cổ phần May Việt Thịnh là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh; được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức, hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp.

Công ty cổ phần May Việt Thịnh là công ty liên kết của Công ty May Việt Tiến, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Dệt - May Việt Nam thí điểm tổ chức, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

**Điều 5.** Giao Tổng công ty Dệt - May Việt Nam chỉ đạo Công ty may Việt Tiến tiến hành bán cổ phần và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần May Việt Thịnh theo đúng quy định hiện hành.

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty May Việt Tiến có trách nhiệm điều hành công việc của 7 Xí nghiệp này cho đến khi bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, đất đai cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng

giám đốc Tổng công ty Dệt - May Việt Nam, Tổng giám đốc Công ty May Việt Tiến và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần May Việt Thịnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

*Thứ trưởng*

**Bùi Xuân Khu**

## BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**QUYẾT ĐỊNH** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 66/2004/QĐ-BNN ngày 22/11/2004 về việc ban hành Quy chế công nhận, quản lý và giám sát các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định giống cây trồng nông nghiệp.

## BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng*

*hóa số 18/1999/PL-UBTVQH10 ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI;*

*Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ theo Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025: 2001 Yêu cầu chung về năng lực của Phòng kiểm nghiệm và hiệu chuẩn; tiêu chuẩn 10 TCN 382-1999 Yêu cầu chung của phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp; tiêu chuẩn 10 TCN 322-2003 Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống cây trồng nông nghiệp;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành Quy chế công nhận, quản lý và giám sát các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định giống cây trồng nông nghiệp.

**Điều 2.** Quy chế này thay thế cho việc công nhận phòng kiểm nghiệm giống cây trồng trong Quy chế công nhận phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp theo Quyết định số 139/1999/QĐ-BNN-KHCN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 11 tháng 10 năm 1999.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 4.** Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Thủ trưởng*

**Bùi Bá Bổng**

**QUY CHẾ công nhận, quản lý và giám sát phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định giống cây trồng nông nghiệp**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BNN ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc công nhận, quản lý và giám sát phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định giống cây trồng nông nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động

công nhận, quản lý và giám sát các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định giống cây trồng nông nghiệp.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phòng kiểm nghiệm giống cây trồng (Laboratory of Seed Testing)* (sau đây gọi là phòng kiểm nghiệm) là phòng kiểm nghiệm đáp ứng các yêu cầu trong Quy chế này và được công nhận để thực hiện các phép thử về chất lượng giống cây trồng.

2. *Phòng kiểm nghiệm giống cây trồng loại I (Laboratory of Seed Testing level I)* (sau đây gọi là phòng kiểm nghiệm loại I) là phòng kiểm nghiệm đáp ứng các yêu cầu phòng kiểm nghiệm loại I trong Quy chế này, được công nhận để làm dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng các lô giống cây trồng.

3. *Phòng kiểm nghiệm giống cây trồng loại II (Laboratory of Seed Testing level II)* (sau đây gọi là phòng kiểm nghiệm loại II) là phòng kiểm nghiệm đáp ứng các yêu cầu phòng kiểm nghiệm loại II trong Quy chế này, được công nhận để làm dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng các lô giống cây trồng.

4. *Lấy mẫu giống cây trồng (Seed Sampling)* là việc lấy ra một lượng giống theo quy định đại diện cho một lô giống để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của lô giống đó.

5. *Người lấy mẫu giống cây trồng (Seed*

*Sampler)* (sau đây gọi là người lấy mẫu) là người được đào tạo, có kinh nghiệm và được công nhận để thực hiện việc lấy mẫu giống cây trồng.

6. *Kiểm định giống cây trồng (Field Inspection)* là quá trình kiểm tra chất lượng lô giống cây trồng sản xuất ngay tại ruộng, nương hoặc vườn nhằm xác định tính đúng giống, độ thuần di truyền và mức độ lẫn giống hoặc loài cây khác.

7. *Người kiểm định giống cây trồng (Field Inspector)* (sau đây gọi là người kiểm định) là người được đào tạo, có kinh nghiệm và được công nhận để thực hiện việc kiểm định giống cây trồng.

8. *Thử nghiệm thành thạo (Proficiency testing)* là đánh giá hoạt động thử nghiệm của phòng kiểm nghiệm bằng phương pháp so sánh liên phòng.

9. *So sánh liên phòng (Interlaboratory comparisons)* là tổ chức, tiến hành và đánh giá các phép thử với những nội dung thử nghiệm giống nhau hoặc tương tự ở 02 hay nhiều phòng kiểm nghiệm với các điều kiện đã định trước.

10. *Giám sát (Supervision, Monitoring)* là quá trình kiểm tra thường xuyên các hoạt động chuyên môn và kết quả kiểm định, lấy mẫu, kiểm nghiệm của người kiểm định, người lấy mẫu và phòng kiểm nghiệm giống cây trồng.

11. *Thanh tra (Inspection)* là đánh giá sự phù hợp thông qua việc quan sát và phán xét có kèm theo các phép đo, thử và so sánh thích hợp.

12. *Đánh giá (Audit)* là quá trình đọc

lập, có hệ thống và đã được văn bản hóa nhằm xem xét các chứng cứ và đánh giá chúng một cách khách quan để xác định xem hiện trạng có đáp ứng được các chuẩn mực đã đề ra.

13. *Chuyên gia đánh giá (Auditor)* là người có đủ năng lực, được đào tạo về hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025 và được cấp chứng chỉ chuyên gia đánh giá.

14. *Nhóm chuyên gia đánh giá (Auditing team)* là hai hay nhiều chuyên gia đánh giá cùng tiến hành một cuộc đánh giá.

**Điều 3.** Điều kiện để công nhận phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định

**1. Phòng kiểm nghiệm giống cây trồng chỉ được công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây:**

- a) Có chức năng nhiệm vụ kiểm tra chất lượng giống cây trồng;
- b) Có hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025;
- c) Có cán bộ quản lý đủ năng lực, có nhân viên kỹ thuật được đào tạo và được cấp chứng chỉ về kiểm nghiệm giống cây trồng;
- d) Có trang thiết bị phù hợp với yêu cầu kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng;
- đ) Có trang thiết bị kiểm soát môi trường phù hợp với yêu cầu kiểm nghiệm giống cây trồng;

e) Đã tham gia vào chương trình thử nghiệm thành thạo và phải có ít nhất 03 lần kết quả đạt yêu cầu đối với các phép thử đề nghị công nhận;

g) Phòng kiểm nghiệm đã có ít nhất 02 năm hoạt động về kiểm nghiệm hạt giống của các loài cây trồng đề nghị công nhận và phải kiểm nghiệm được ít nhất 500 mẫu.

Các yêu cầu tối thiểu để công nhận phòng kiểm nghiệm được quy định tại Phụ lục 7 của Quy chế này.

**2. Người lấy mẫu giống cây trồng chỉ được công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây:**

- a) Đã được đào tạo và cấp chứng chỉ về lấy mẫu giống cây trồng;
- b) Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về lấy mẫu giống cây trồng;
- c) Không có sai sót và khiếu nại của khách hàng về quá trình lấy mẫu.

**3. Người kiểm định giống cây trồng chỉ được công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây:**

- a) Đã được đào tạo và cấp chứng chỉ về kiểm định giống cây trồng;
- b) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm về kiểm định các loài cây trồng đề nghị công nhận;
- c) Không có sai sót và khiếu nại của khách hàng về quá trình kiểm định.

**Điều 4.** Hồ sơ đề nghị công nhận phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định

**1. Hồ sơ đề nghị công nhận phòng kiểm nghiệm giống cây trồng nông nghiệp bao gồm:**

- a) Đơn đề nghị công nhận (theo mẫu tại Phụ lục 1a);
- b) Sổ tay chất lượng của phòng kiểm nghiệm;
- c) Kết quả thử nghiệm thành thạo;
- d) Báo cáo năng lực và kết quả hoạt động của phòng kiểm nghiệm (theo mẫu tại Phụ lục 2).

**2. Hồ sơ đề nghị công nhận người lấy mẫu bao gồm:**

- a) Đơn đề nghị công nhận (theo mẫu tại Phụ lục 1b);
- b) Chứng chỉ đào tạo về lấy mẫu;
- c) Báo cáo kết quả về quá trình hoạt động lấy mẫu.

**3. Hồ sơ đề nghị công nhận người kiểm định bao gồm:**

- a) Đơn đề nghị công nhận (theo mẫu tại Phụ lục 1c);
- b) Chứng chỉ đào tạo về kiểm định giống cây trồng;
- c) Báo cáo kết quả về quá trình hoạt động kiểm định.

**Điều 5. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ**

1. Các phòng kiểm nghiệm có nhu cầu đề nghị công nhận nộp hồ sơ về Vụ Khoa học công nghệ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Vụ Khoa học công nghệ tiếp nhận,

kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận phòng kiểm nghiệm. Trường hợp hồ sơ không đủ thủ tục hoặc có sai sót, trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Khoa học công nghệ thông báo các nội dung cần hoàn chỉnh cho phòng kiểm nghiệm đề nghị công nhận.

3. Người lấy mẫu, người kiểm định có nhu cầu đề nghị công nhận nộp hồ sơ về Cục Nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Cục Nông nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận người lấy mẫu, người kiểm định. Trường hợp hồ sơ không đủ thủ tục hoặc có sai sót, trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Nông nghiệp thông báo các nội dung cần hoàn chỉnh cho người lấy mẫu, người kiểm định đề nghị công nhận.

**Điều 6. Đánh giá và công nhận phòng kiểm nghiệm mới, công nhận lại, mở rộng phạm vi công nhận**

**1. Đánh giá:**

a) Vụ Khoa học công nghệ tổ chức thực hiện việc đánh giá, đề nghị công nhận phòng kiểm nghiệm mới, công nhận lại, mở rộng phạm vi công nhận khi hồ sơ hợp lệ.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng đánh giá phòng kiểm nghiệm đề nghị công nhận. Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ là Chủ tịch Hội đồng giúp Bộ trưởng xem xét, đánh giá phòng kiểm nghiệm mới. Hội đồng có từ 7 - 9 thành viên. Thành phần Hội đồng gồm các chuyên gia có

0962299  
 www.ThuVienHapLuoc.com  
 Tel: +84-8-3848668\*  
 LawSoft

chuyên môn, nghiệp vụ về đánh giá phòng kiểm nghiệm đã được đào tạo, đại diện của Vụ Khoa học công nghệ và Cục Nông nghiệp.

c) Nội dung đánh giá: Đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện của phòng kiểm nghiệm theo khoản 1 Điều 3 của Quy chế này.

d) Trình tự, thủ tục và phương pháp đánh giá:

- Chủ tịch Hội đồng cử nhóm chuyên gia đánh giá (gồm 2 - 3 chuyên gia đã được đào tạo và được cấp chứng chỉ chuyên gia đánh giá) trực tiếp đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và các hoạt động kỹ thuật tại phòng kiểm nghiệm, báo cáo kết quả đánh giá cho Hội đồng;

- Hội đồng xem xét hồ sơ, báo cáo của nhóm chuyên gia đánh giá; thảo luận công khai, đánh giá theo nguyên tắc bỏ phiếu kín;

- Hội đồng lập biên bản kết luận và gửi kết quả đánh giá (theo Phụ lục 3) về Vụ Khoa học công nghệ;

- Với các phòng kiểm nghiệm đủ điều kiện, Vụ Khoa học công nghệ làm thủ tục trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận. Trường hợp phòng kiểm nghiệm có những điểm không phù hợp nhưng có thể khắc phục được thì Hội đồng liệt kê các điểm không phù hợp và đề xuất thời hạn khắc phục, Vụ Khoa học công nghệ thông báo kết quả đánh giá của Hội đồng cho phòng kiểm nghiệm;

- Phòng kiểm nghiệm khắc phục các

điểm không phù hợp và gửi báo cáo về Vụ Khoa học công nghệ. Căn cứ báo cáo kết quả khắc phục (có ý kiến của chuyên gia đánh giá nếu thấy cần thiết), Vụ Khoa học công nghệ xem xét và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận khi đạt yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết Vụ Khoa học công nghệ đề nghị tổ chức đánh giá lại.

đ) Các phòng kiểm nghiệm đề nghị công nhận lại: Căn cứ theo kết quả đánh giá toàn diện trong thời hạn công nhận của phòng kiểm nghiệm và kết quả giám sát hàng năm, Vụ Khoa học công nghệ phối hợp với Cục Nông nghiệp xem xét và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận khi đạt yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết Vụ Khoa học công nghệ sẽ đề nghị tổ chức đánh giá lại theo trình tự như ở mục d khoản 1 Điều 6.

e) Các phòng kiểm nghiệm đề nghị mở rộng phạm vi công nhận.

Trình tự và thủ tục đánh giá như mục d khoản 1 Điều 6, nhằm đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện mở rộng của phòng kiểm nghiệm. Căn cứ theo báo cáo và đề nghị của nhóm chuyên gia, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ sẽ xem xét và đề nghị Bộ trưởng công nhận hoặc đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá khi thấy cần thiết.

## 2. Công nhận:

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét ra quyết định công nhận phòng kiểm nghiệm mới, công nhận lại, mở rộng phạm vi công nhận.

**Điều 7. Đánh giá và công nhận người lấy mẫu, người kiểm định**

1. Đánh giá: Cục Nông nghiệp đánh giá hồ sơ của người lấy mẫu, người kiểm định theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 4 của Quy chế này.

2. Công nhận: Cục trưởng Cục Nông nghiệp ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận cho người lấy mẫu, người kiểm định.

**Điều 8. Thời hạn hiệu lực của quyết định công nhận**

1. Thời hạn hiệu lực của Quyết định công nhận phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định là năm.

2. Ba tháng trước khi hết thời hạn hiệu lực của Quyết định công nhận, phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định phải gửi bản đăng ký đề nghị công nhận lại.

**Điều 9. Quản lý và giám sát phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định**

**1. Cục Nông nghiệp phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các phòng kiểm nghiệm được công nhận:**

a) Kiểm tra định kỳ: Cục Nông nghiệp tổ chức kiểm tra toàn diện một lần trong thời hạn Quyết định công nhận có hiệu lực (5 năm).

b) Kiểm tra bất thường: Cục Nông nghiệp tổ chức kiểm tra bất thường trong những trường hợp cần thiết.

c) Giám sát thường xuyên: Hàng năm, Cục Nông nghiệp tổ chức kiểm tra lại ngẫu nhiên số mẫu được kiểm nghiệm để đánh giá (với 1% số mẫu khi đơn vị có lượng mẫu kiểm nghiệm/ năm >1000, 2% số mẫu khi đơn vị có lượng mẫu > 500 -1000, 5% khi lượng mẫu là >200 - 500, 8 - 10% khi số mẫu < 200 ), kết quả giám sát được báo cáo về Cục Nông nghiệp.

**2. Cục Nông nghiệp tổ chức giám sát người lấy mẫu, người kiểm định.**

**3. Mỗi phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định đồng ruộng được cấp một mã số riêng để phân biệt và quản lý. Mã số được ghi trong quyết định công nhận.**

**Điều 10. Đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của Quyết định công nhận**

1. Đình chỉ hiệu lực của Quyết định công nhận trong trường hợp có sai phạm về kỹ thuật nhưng có thể khắc phục được và chưa gây hậu quả nghiêm trọng:

a) Vụ Khoa học công nghệ chủ trì và phối hợp với Cục Nông nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, ra quyết định đình chỉ từng phần hoặc toàn phần hiệu lực của Quyết định công nhận phòng kiểm nghiệm.

b) Cục trưởng Cục Nông nghiệp ra Quyết định đình chỉ hiệu lực công nhận người lấy mẫu, người kiểm định.

c) Hiệu lực của Quyết định công nhận được xem xét, phục hồi khi các sai phạm được khắc phục.

09685599  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.LuuVienPhapLuat.com

**2. Hủy bỏ hiệu lực của Quyết định công nhận trong trường hợp sai phạm không thể khắc phục được hoặc gây hậu quả nghiêm trọng:**

a) Vụ Khoa học công nghệ chủ trì phối hợp với Cục Nông nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, ra quyết định hủy bỏ hiệu lực của Quyết định công nhận phòng kiểm nghiệm.

b) Cục trưởng Cục Nông nghiệp ra quyết định hủy bỏ hiệu lực công nhận người lấy mẫu hoặc người kiểm định.

c) Các tổ chức, cá nhân có sai phạm, gây ra hậu quả nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**3. Những căn cứ để đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của Quyết định công nhận:**

a) Những sai phạm được nêu trong Báo cáo về kết quả thử nghiệm thành thạo, kết quả kiểm tra và giám sát;

b) Ý kiến khiếu nại bằng văn bản của khách hàng;

c) Đề nghị của Hội đồng đánh giá do Vụ Khoa học công nghệ thành lập trong trường hợp cần thiết.

**Điều 11.** Những thay đổi cần phải báo cáo

1. Phòng kiểm nghiệm được công nhận phải báo cáo về Vụ Khoa học công nghệ và Cục Nông nghiệp những thay đổi liên quan đến nội dung được công nhận (địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail, cán bộ chủ

chốt, tổ chức, các thiết bị chính...) chậm nhất là ba mươi ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Người lấy mẫu và người kiểm định được công nhận phải báo cáo về Cục Nông nghiệp những thay đổi liên quan đến nội dung được công nhận (địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail, bổ sung phạm vi hoạt động...) chậm nhất là ba mươi ngày kể từ ngày có thay đổi.

**Điều 12.** Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Khiếu nại của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đánh giá, công nhận phòng kiểm nghiệm giống cây trồng gửi đến Vụ Khoa học công nghệ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Khiếu nại của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đánh giá, công nhận và giám sát người lấy mẫu, người kiểm định giống cây trồng gửi đến Cục Nông nghiệp xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Khiếu nại liên quan đến kết quả kiểm nghiệm, lấy mẫu, kiểm định gửi đến phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định đưa ra kết quả đó. Nếu không đồng ý với trả lời của phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định thì người khiếu nại có thể tiếp tục khiếu nại đến Cục Nông nghiệp xem xét giải quyết.

4. Nếu người khiếu nại không đồng ý với ý kiến giải quyết của Vụ Khoa học công nghệ, Cục Nông nghiệp thì có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



**Điều 13. Chi phí**

1. Chi phí cho việc công nhận do phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định có nhu cầu công nhận chi trả.

2. Chi phí liên quan đến việc giải quyết khiếu nại do bên có sai phạm chi trả.

**Điều 14. Phân công trách nhiệm****1. Vụ Khoa học công nghệ có trách nhiệm:**

a) Tổ chức thẩm định, đánh giá và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, công nhận lại, mở rộng phạm vi công nhận phòng kiểm nghiệm;

b) Vụ Khoa học công nghệ chủ trì phối hợp với Cục Nông nghiệp xem xét và đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực quyết định công nhận phòng kiểm nghiệm.

**2. Cục Nông nghiệp có trách nhiệm:**

a) Quản lý và giám sát các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định được công nhận;

b) Cùng phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ xem xét và đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực quyết định công nhận phòng kiểm nghiệm;

c) Xem xét và ra Quyết định công nhận người lấy mẫu, người kiểm định;

d) Đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của

Quyết định công nhận người lấy mẫu, người kiểm định.

d) Tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ cho nhân viên phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định;

e) Tổ chức thực hiện chương trình thử nghiệm thành thạo cho các phòng kiểm nghiệm đề nghị công nhận;

g) Tổ chức thực hiện giám sát kỹ thuật các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định được công nhận;

**3. Phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định có trách nhiệm:**

a) Duy trì thường xuyên việc đào tạo nội bộ thuộc phòng kiểm nghiệm.

b) Nhân viên phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu, người kiểm định phải thường xuyên tham gia đào tạo lại theo kế hoạch đào tạo của Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Trung ương.

c) Báo cáo kết quả hoạt động định kỳ 6 tháng một lần về Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Trung ương

d) Biên bản kiểm định đồng ruộng, biên bản lấy mẫu và phiếu kết quả kiểm nghiệm theo mẫu ở Phụ lục 6 của Quy chế này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Thủ trưởng*

**Bùi Bá Bổng**

Phụ lục 1a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... , ngày..... tháng..... năm 200.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**  
**PHÒNG KIỂM NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP**

Kính gửi: Vụ Khoa học công nghệ  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên cơ quan

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên phòng kiểm nghiệm

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

3. Họ tên, chức danh người phụ trách phòng kiểm nghiệm

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

4. Hình thức đề nghị công nhận

Công nhận mới

Mở rộng phạm vi công nhận

Công nhận lại

5. Loại phòng kiểm nghiệm đề nghị công nhận

Phòng kiểm nghiệm loại I

Phòng kiểm nghiệm loại II

6. Lĩnh vực thử nghiệm đề nghị công nhận

Số thứ tự	Tên phép thử hoặc loại phép thử	Loài cây trồng	Phương pháp thử	Ghi chú
1	2	3	4	5

7. Chúng tôi đề nghị cam kết thực hiện mọi quy định trong Quy chế công nhận, quản lý và giám sát phòng kiểm nghiệm giống cây trồng nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trả đầy đủ các chi phí phục vụ cho việc công nhận không phụ thuộc vào kết quả cuối cùng của việc công nhận.

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ trách phòng kiểm nghiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 1b

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... , ngày..... tháng..... năm 200.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN NGƯỜI LẤY MẪU**

Kính gửi: **Cục Nông nghiệp**  
**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Hình thức đề nghị công nhận

Công nhận mới

Mở rộng phạm vi công nhận

Công nhận lại

3. Lĩnh vực đề nghị công nhận

- Hạt giống

- Củ giống

- Hom giống

-

-

-

4. Chứng chỉ đào tạo:

Số chứng chỉ: ....., ngày..... tháng..... năm 200....

Cơ quan cấp:

5. Tóm tắt quá trình công tác và kinh nghiệm lấy mẫu.

6. Tôi đề nghị cam kết thực hiện đúng mọi quy định trong Quy chế công nhận, quản lý và giám sát các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định đồng ruộng giống cây trồng nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trả đầy đủ các chi phí phục vụ cho việc công nhận không phụ thuộc vào kết quả cuối cùng của việc công nhận.

**Thủ trưởng cơ quan**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Người làm đơn**  
(Ký tên )

Phụ lục 1c

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... , ngày.....tháng.....năm 200.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**  
**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH ĐỒNG RUỘNG**

Kính gửi: **Cục Nông nghiệp**  
**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tên người đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Hình thức đề nghị công nhận

Công nhận mới

Mở rộng phạm vi hoạt động

Công nhận lại

3. Lĩnh vực kiểm định đề nghị công nhận:

- Ruộng giống

- Vườn giống

-

-

4. Tên loài cây trồng: Lúa Ngô Lạc Đậu tương ....

5. Chứng chỉ đào tạo:

Số chứng chỉ: ....., ngày..... tháng..... năm 200.....

Cơ quan cấp:

6. Tóm tắt quá trình công tác và kinh nghiệm kiểm định.

7. Tôi đề nghị cam kết thực hiện đúng mọi quy định trong Quy chế công nhận, quản lý và giám sát các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định đồng ruộng giống cây trồng nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trả đầy đủ các chi phí phục vụ cho việc công nhận không phụ thuộc vào kết quả cuối cùng của việc công nhận.

**Thủ trưởng cơ quan**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Người làm đơn**  
(Ký tên )

## Phụ lục 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... , ngày.....tháng.....năm 200.....

**BÁO CÁO**  
**NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

1. Tên cơ quan đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên phòng kiểm nghiệm:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

3. Họ, tên và chức danh người phụ trách phòng kiểm nghiệm

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

4. Cán bộ, nhân viên của phòng kiểm nghiệm:

Số thứ tự	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Công việc được giao hiện tại	Thâm niên trong lĩnh vực thử nghiệm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

5. Trang thiết bị:

5.1. Phương tiện đo lường:

Số thứ tự	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo, cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn	Ngày KĐ/HC lần cuối	Người kiểm định hiệu chuẩn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

5.2. Trang thiết bị khác:

Số thứ tự	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu hướng dẫn của thiết bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

6. Diện tích và môi trường của phòng kiểm nghiệm:

6.1. Sơ đồ mặt bằng và diện tích của từng bộ phận của phòng kiểm nghiệm.

6.2. Điều kiện môi trường các bộ phận của phòng kiểm nghiệm:

- Điều hòa nhiệt độ
- Khả năng thông khí và thoát hơi độc
- Các điều kiện bảo đảm khác (chống rung, bụi, ồn, ánh sáng, phóng xạ...).

6.3. Các điều kiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ và nhân viên của phòng kiểm nghiệm.

7. Danh mục các phép thử và các loài cây trồng phòng kiểm nghiệm có khả năng thực hiện

Số thứ tự	Tên phép thử	Loài cây trồng	Cơ sở pháp lý làm căn cứ cho phép thử	Khả năng lượng mẫu kiểm nghiệm một năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

8. Kết quả hoạt động phòng kiểm nghiệm thực hiện ba năm gần nhất

Số thứ tự	Tên phép thử	Loài cây trồng	Cơ sở pháp lý làm căn cứ cho phép thử	Số lượng mẫu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

9. Cơ sở cam kết:

- Thực hiện các quy định về công nhận phòng kiểm nghiệm;
- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá phòng kiểm nghiệm;
- Phòng kiểm nghiệm sẵn sàng để được tiến hành đánh giá từ ngày.... tháng.... năm.....

**Giám đốc**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phụ trách phòng kiểm nghiệm**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## Phụ lục 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... , ngày.....tháng.....năm 200.....

**BÁO CÁO**  
**CỦA NHÓM CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

1. Tên phòng kiểm nghiệm được đánh giá
2. Nhóm chuyên gia đánh giá: (ghi rõ họ, tên)
3. Thời gian đánh giá
4. Các căn cứ để đánh giá:
  - Hệ thống quản lý chất lượng
  - Các quá trình kỹ thuật của phòng kiểm nghiệm
5. Nội dung đánh giá:
  - Theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025: 2001
  - Các yêu cầu công nhận tối thiểu cho PKN loại I và PKN loại II
  - Số tay chất lượng của phòng kiểm nghiệm
  - Các điểm không phù hợp của phòng kiểm nghiệm ...
6. Kết quả đánh giá  
Kết luận về từng nội dung đánh giá (có biên bản đánh giá kèm theo)
7. Kết luận và kiến nghị của nhóm chuyên gia:

**Trưởng nhóm**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Các thành viên**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 200.....

**BIÊN BẢN**  
**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**

Hội đồng đánh giá phòng kiểm nghiệm giống cây trồng nông nghiệp được thành lập theo Quyết định số.....QĐ/BNN/KHCN....., ngày.... tháng ....năm 200...

(Ghi rõ họ, tên chủ tịch Hội đồng, thư ký, các thành viên và số Quyết định)

1. Tên phòng kiểm nghiệm  
Thuộc

2. Kết luận của Hội đồng và đề nghị công nhận

- Đề nghị công nhận (tên phòng kiểm nghiệm), thuộc sự quản lý của ..... là phòng kiểm nghiệm loại I hoặc loại II, được công nhận đối với các phép thử và loài cây trồng sau:

Số thứ tự	Tên phép thử hoặc loại phép thử	Loài cây trồng	Phương pháp thử	Ghi chú
1	2	3		4

3. Biên bản này được thông qua với sự đồng ý của ..... (kết quả bỏ phiếu) ..... của thành viên Hội đồng.

4. Ý kiến khác nếu có (nêu rõ nội dung và tên người có ý kiến khác)

**Chủ tịch Hội đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thư ký Hội đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phụ lục 5****MẪU DẤU VÀ SỬ DỤNG CON DẤU CỦA  
PHÒNG KIỂM NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN****1. Mẫu dấu**

Mẫu dấu của phòng kiểm nghiệm giống cây trồng nông nghiệp được công nhận do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp có hình thức quy định theo mẫu cụ thể dưới đây:

- Dấu hình vuông và cạnh dài 4 cm.
- Dấu chia làm 2 phần có vạch ngang ở 2/3 từ trên xuống.
- Phía trên của dấu ghi ba dòng:

Dòng thứ nhất ghi:           **PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

Dòng thứ hai ghi:           **GIỐNG CÂY TRỒNG**

Dòng thứ ba ghi:           **NÔNG NGHIỆP**

- Mã số của phòng kiểm nghiệm được ghi ở phía dưới của dấu.
- Mực dấu màu tím.

**2. Quy định sử dụng dấu**

- Phòng kiểm nghiệm được công nhận sẽ đóng dấu vào các phiếu kết quả kiểm nghiệm của mình.

- Chỉ những kết quả kiểm nghiệm của các phòng kiểm nghiệm được công nhận mới được sử dụng dấu cho kết quả kiểm nghiệm.

- Trưởng phòng kiểm nghiệm chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu của phòng kiểm nghiệm được công nhận. Trong trường hợp cần thiết có thể giao cho cán bộ khác thay thế quản lý, sử dụng dấu.

- Trong trường hợp mất con dấu phải báo ngay với thủ trưởng cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm báo cáo với Bộ.

- Mọi hành vi vô tình hay cố ý vi phạm quy định sử dụng dấu trên sẽ tùy theo mức độ và hậu quả mà bị xử lý từ phê bình, cảnh cáo, phạt tiền, .... đến truy tố trước pháp luật theo Điều 34 Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa và Điều 38, 39 Nghị định số 327/HĐBT ngày 19 tháng 10 năm 1991 về thi hành Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa.

**3. Mẫu dấu**

<b>PHÒNG KIỂM NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP</b>
<b>(Mã số)</b>

**Phụ lục 6a**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Tên tổ chức có

Phòng kiểm nghiệm được  
công nhận)

.....

Số:

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM HẠT GIỐNG**

Mã số của mẫu:

**I. NƠI CẤP PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM:** Phòng kiểm nghiệm giống cây  
trồng loại I (hoặc loại II)

Mã số công nhận:

Địa chỉ:

ĐT:

Fax:

E-mail:

**II. PHẦN KHAI CỦA KHÁCH HÀNG:**

Chủ lô giống:

Tên và địa chỉ người lấy mẫu:

Loài cây trồng:

Tên giống:

Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Người kiểm định ruộng giống:

Ngày thu hoạch:

Tờ khai Hải quan (bản sao,  
với giống nhập khẩu):

Ký hiệu lô hạt giống:

Khối lượng lô hạt giống:

Nơi bảo quản:

Phương thức bảo quản:

Chất liệu bao bì:

Ngày lấy mẫu:

Ngày nhận mẫu:

Khối lượng mẫu gửi:

**III. PHƯƠNG PHÁP THỬ: 10 TCN 322 - 2003****IV. KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM:**

Độ sạch (% KL)	Hạt cỏ dại (số hạt/kg)	Hạt khác giống (% số hạt)	Nảy mầm					Độ ấm (% KL)
			Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
				Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

09685969

V. CÁC KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM KHÁC:

VI. NHẬN XÉT KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM:

**Cơ quan chủ quản**  
**Giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày.... tháng.... năm 200....*  
**Trưởng phòng kiểm nghiệm**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## Phụ lục 6b

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LẤY MẪU**

Họ và tên người lấy mẫu:

Mã số được công nhận của người lấy mẫu:

Tên tổ chức, cá nhân chủ lô giống:

Ngày, tháng, năm lấy mẫu:

Địa điểm lấy mẫu:

Việc lấy mẫu được thực hiện theo tiêu chuẩn:      ISTA              TC trong nước

Chứng chỉ đào tạo của:                      Chứng chỉ ISTA                      Chứng chỉ trong nước

Mã số lô giống	Tên loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống <sup>1</sup>	Khối lượng lô giống (kg)	Xử lý <sup>2</sup>	Số lượng bao	Khối lượng mẫu	Ký hiệu mẫu

Ghi chú:

Chúng tôi xác nhận các thông tin trên là đúng.

Tôi cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành theo đúng quy định.

**Chủ lô giống**  
(Họ tên và chữ ký)

**Người lấy mẫu**  
(Họ tên và chữ ký)

<sup>1</sup> SNC = Hạt giống siêu nguyên chủng; NC = Hạt giống nguyên chủng; XN = hạt giống xác nhận.

<sup>2</sup> Ghi tên hóa chất được dùng để xử lý.

**Phụ lục 6c**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Tên người kiểm định
- Mã số:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số Fax: E-mail:

....., ngày..... tháng..... năm 200....

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG**  
**Số:**

**A. Phần chung**

1. Tên cơ sở sản xuất:
2. Địa chỉ:
3. Loài cây trồng:
4. Tên giống:
5. Cấp giống:
6. Địa điểm kiểm định:
7. Diện tích (ha) hoặc số lượng cây giống của lô kiểm định:
8. Mã hiệu lô kiểm định:
9. Nguồn gốc giống:
  - Nơi sản xuất và cung ứng:
  - Mã số phiếu kiểm nghiệm chất lượng hoặc quyết định công nhận cây đầu dòng:
10. Cây trồng vụ trước:
11. Thời kỳ kiểm định: Lần kiểm định:

**B. Kết quả kiểm định**

## 12. Cách ly (nếu có quy định)

- Phương pháp cách ly:

*Không gian**Thời gian**Không gian + thời gian*

- Kết quả thực hiện:

*Đạt**Đạt có điều kiện**Không đạt*

13. Thực hiện quy trình sản xuất:

Đạt  Không đạt

14. Tình trạng sinh trưởng, phát triển chung của ruộng giống:

Tốt  Trung bình  Kém

15. Tổng số điểm kiểm định:

16. Tổng số cây được kiểm tra:

17. Tổng số cây khác dạng: . Tổng số cây khác loài:

18. Trường hợp giống lai:

- Tổng số cây mẹ đã và đang tung phấn:
- Tổng số cây bố khác dạng đã và đang tung phấn:
- Tổng số cây mẹ khác dạng:

19. Cỏ dại nguy hại (cây/100 m<sup>2</sup>):

20. Mức độ nhiễm sâu bệnh hại chính:

Nặng  Trung bình  Nhẹ  Không

21. Mức độ đổ ngã :

Nặng  Trung bình  Nhẹ  Không

22. Năng suất dự tính: tạ/ha. Sản lượng lô giống dự tính: tấn

23. Đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm đánh giá theo tiêu chuẩn giống.

### C. Nhận xét và kết luận

CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ LÔ GIỐNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NGƯỜI KIỂM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 7****CÁC YÊU CẦU TỐI THIỂU ĐỂ CÔNG NHẬN PKN LOẠI I VÀ PKN LOẠI II**

<b>PHÒNG KIỂM NGHIỆM LOẠI I</b>	<b>PHÒNG KIỂM NGHIỆM LOẠI II</b>
Các yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống quản lý chất lượng, năng lực cán bộ, thiết bị và môi trường	Các yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống quản lý chất lượng, năng lực cán bộ, thiết bị và môi trường
Cả 02 loại phòng kiểm nghiệm phải đạt các yêu cầu nêu trong Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 382- 1999 về Yêu cầu chung của phòng thử nghiệm ngành Nông nghiệp.	
<p><b>Hệ thống quản lý chất lượng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ tay chất lượng theo tiêu chuẩn ISTA hay ISO 17025, bao gồm cả các tiêu chuẩn về thao tác kỹ thuật.</li> <li>- Hệ thống quản lý chất lượng phải được thực thi, được thẩm định qua kiểm tra hàng năm.</li> <li>- Phòng kiểm nghiệm phải tham gia vào hệ thống thử nghiệm thành thạo.</li> <li>- Phòng kiểm nghiệm phải tham gia vào hệ thống quản lý và giám sát quốc gia.</li> </ul>	<p><b>Hệ thống quản lý chất lượng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ tay chất lượng phải cấu trúc theo số tay chất lượng của phòng kiểm nghiệm loại I, tuy nhiên, chỉ mô tả các yêu cầu tối thiểu nêu trong Bảng này và các quá trình được thực hiện theo các yêu cầu tối thiểu này.</li> <li>- Hệ thống quản lý chất lượng phải được thực thi, được thẩm định qua kiểm tra hàng năm.</li> <li>- Phòng kiểm nghiệm phải tham gia vào hệ thống thử nghiệm thành thạo.</li> <li>- Phòng kiểm nghiệm phải tham gia vào hệ thống quản lý và giám sát.</li> </ul>
<p><b>Quản lý và giám sát</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã thực hiện quản lý và giám sát nội bộ theo Tiêu chuẩn ISTA hay ISO17025.</li> </ul>	<p><b>Quản lý và giám sát</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng quản lý và giám sát nội bộ đáp ứng yêu cầu của phòng kiểm nghiệm loại II.</li> </ul>
<p><b>Thiết bị, dụng cụ và mẫu chuẩn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Lấy mẫu và chia mẫu</b></li> <li>- Dụng cụ niêm phong để dùng cho việc lấy mẫu.</li> <li>- Các dụng cụ lấy mẫu như xiên lấy mẫu, túi vải và túi nilon (mẫu làm độ ẩm), dụng cụ chia mẫu (hoặc dao gạt để chia mẫu bằng tay), hộp đựng mẫu.</li> </ul>	<p><b>Thiết bị, dụng cụ và mẫu chuẩn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Lấy mẫu và chia mẫu</b></li> <li>- Dụng cụ niêm phong để dùng cho việc lấy mẫu</li> <li>- Các dụng cụ lấy mẫu như xiên lấy mẫu, túi vải và túi nilon (mẫu làm độ ẩm), dụng cụ chia mẫu (hoặc dao gạt để chia mẫu bằng tay), hộp đựng mẫu.</li> </ul>

- Thiết bị chia mẫu.
- Mẫu chuẩn được trộn để hiệu chuẩn thiết bị chia mẫu.

#### **- Phân tích độ sạch**

- Bàn sạch có bề mặt lạnh lặn.
- Các cốc không nhiễm điện để dùng cho thử nghiệm độ sạch (phân hạt sạch, hạt khác loài/hạt cỏ, tạp chất).
- Kính lúp cầm tay.
- Panh gấp, dao gạt và các dụng cụ tương tự dùng cho thử nghiệm độ sạch.
- Thiết bị chiếu sáng.
- Găng tay và mặt nạ để bảo vệ cán bộ khi kiểm nghiệm các hạt giống đã được xử lý.
- Có tủ khử độc để hút không khí ra ngoài.
- Cân có độ chính xác cần thiết đối với các loài được kiểm nghiệm.
- Các quả cân được cấp giấy chứng nhận (hoặc các quả cân được kiểm soát hàng năm bằng các quả cân được chứng nhận), găng tay hoặc panh gấp để lấy các quả cân, hộp đựng quả cân.
- Bộ tiêu bản hạt giống (được kiểm tra và đủ lượng).
- Xác định độ ẩm**
- Tủ sấy độ ẩm hoặc máy đo độ ẩm nhanh.
- Mẫu hạt giống để hiệu chuẩn máy đo độ ẩm nhanh.
- Cối xay mẫu để thử nghiệm độ ẩm.
- Rây sàng các loại để hiệu chuẩn máy xay mẫu.
- Cốc để sấy độ ẩm.
- Nhiệt kế chất lượng cao để kiểm tra nhiệt độ trong tủ sấy độ ẩm và tủ nẩy mầm.
- Nhiệt kế được cấp giấy chứng nhận để hiệu chuẩn các nhiệt kế chất lượng cao và nhiệt ẩm kế (hoặc các nhiệt kế được hiệu chuẩn hàng năm bằng nhiệt kế được chứng nhận).

- Thiết bị chia mẫu.
- Mẫu chuẩn được trộn để hiệu chuẩn thiết bị chia mẫu.

#### **- Phân tích độ sạch**

- Bàn sạch có bề mặt lạnh lặn.
- Các cốc không nhiễm điện để dùng cho thử nghiệm độ sạch (phân hạt sạch, hạt khác loài/hạt cỏ, tạp chất).
- Kính lúp cầm tay.
- Panh gấp, dao gạt và các dụng cụ tương tự dùng cho thử nghiệm độ sạch.
- Thiết bị chiếu sáng.
- Găng tay và mặt nạ để bảo vệ cán bộ khi kiểm nghiệm các hạt giống đã được xử lý.
- Cân có độ chính xác cần thiết đối với các loài được kiểm nghiệm.
- Các quả cân được hiệu chuẩn để kiểm tra các quả cân khác.
- Bộ tiêu bản hạt giống (được kiểm tra và đủ lượng).
- Xác định độ ẩm**
- Máy đo độ ẩm nhanh đạt tiêu chuẩn.
- Mẫu hạt giống để hiệu chuẩn máy đo độ ẩm nhanh.



**§ Phép thử nảy mầm**

- Tủ nảy mầm hoặc phòng nảy mầm được kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm.
- Nhiệt kế chất lượng cao để kiểm tra nhiệt độ trong tủ nảy mầm.
- Nhiệt kế tối thiểu/tối đa để kiểm soát nhiệt độ ở trong tủ nảy mầm.
- Các giá đỡ (hoặc dạng tương tự) để đặt các khay nảy mầm trong các điều kiện môi trường.
- Nước có chất lượng tốt (pH = 6.0 - 7.5)
- Thiết bị đong để thêm nước cho giá thể nảy mầm (giấy, cát) và/hoặc khay lớn để ngâm giấy.
- Khay nảy mầm có nắp, không nhiễm điện tĩnh, đủ lớn và cao để cho phép các lá và rễ phát triển tốt, đối với phương pháp thử TP, BP và cát.
- Giấy và cát có chất lượng tốt, đủ số lượng (có khả năng giữ nước) và được kiểm tra độc tố.
- Panh gấp và các dụng cụ gấp hạt tương tự
- Rây sàng để rửa sạch cát nhưng giữ được các hạt không nảy mầm.

**§ Kiểm tra hạt khác giống**

- Bàn soi hạt có đèn và kính lúp
- Cân có độ chính xác phù hợp với phép thử và loài cây trồng đề nghị công nhận

**§ Bảo quản mẫu**

- Kho lưu mẫu bảo đảm các điều kiện bảo quản hạt giống 6 - 12 tháng
- Nhiệt ẩm kế để kiểm soát các điều kiện ở trong kho bảo quản hạt giống

**Tài liệu chuyên môn**

- Tài liệu về phương pháp kiểm nghiệm hạt giống, kiểm định đồng ruộng và lấy mẫu, bao gồm tiêu chuẩn 10 TCN 322-2003, Điều lệ kiểm nghiệm của ISTA, Sổ

**§ Phép thử nảy mầm**

- Nhiệt kế chất lượng cao để kiểm tra nhiệt độ môi trường.
- Nhiệt kế tối thiểu/tối đa để kiểm soát nhiệt độ môi trường.
- Các giá đỡ (hoặc dạng tương tự) để đặt các khay nảy mầm trong các điều kiện môi trường.
- Nước có chất lượng tốt (pH = 6.0 - 7.5)
- Cốc hoặc các dụng cụ tương tự để thêm nước cho giá thể nảy mầm (giấy, cát) và/hoặc khay lớn để ngâm giấy.
- Khay nảy mầm có nắp, không nhiễm điện tĩnh, đủ lớn và cao để cho phép các lá và rễ phát triển tốt, đối với phương pháp thử TP, BP và cát.
- Giấy và cát có chất lượng tốt, đủ số lượng (có khả năng giữ nước) và được kiểm tra độc tố.
- Panh gấp và các dụng cụ gấp hạt tương tự.
- Rây sàng để rửa sạch cát nhưng giữ được các hạt không nảy mầm.

**§ Kiểm tra hạt khác giống**

- Bàn soi hạt có đèn và kính lúp
- Cân có độ chính xác phù hợp với phép thử và loài cây trồng đề nghị công nhận

**§ Bảo quản mẫu**

- Kho lưu mẫu hoặc giá bảo quản mẫu trong điều kiện PTN

**Tài liệu chuyên môn**

- Tài liệu về phương pháp kiểm nghiệm hạt giống, kiểm định đồng ruộng và lấy mẫu, bao gồm tiêu chuẩn 10 TCN 322-2003, Điều lệ kiểm nghiệm của ISTA, Sổ

<p>tay đánh giá cây mẫu, Sổ tay lấy mẫu, Bảng sai số, mô tả giống, Sổ tay kiểm định giống cây trồng, Tiêu chuẩn hạt giống và các Tiêu chuẩn Quốc gia khác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản tài liệu khác: báo cáo kiểm định đồng ruộng, báo cáo lấy mẫu, phiếu phân tích, phiếu chứng chỉ, sổ sách ghi chép về hiệu chuẩn và kiểm soát thiết bị.</li> </ul>	<p>tay đánh giá cây mẫu, Sổ tay lấy mẫu, Bảng sai số, mô tả giống, Sổ tay kiểm định giống cây trồng, Tiêu chuẩn hạt giống và các Tiêu chuẩn Quốc gia khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản tài liệu khác: báo cáo kiểm định đồng ruộng, báo cáo lấy mẫu, phiếu phân tích, phiếu chứng chỉ, sổ sách ghi chép về hiệu chuẩn và kiểm soát thiết bị.</li> </ul>
<p><b>Môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng có cửa sổ và cửa ra vào riêng.</li> <li>- Có đủ chỗ để đi lại thuận lợi.</li> <li>- Bàn, ghế và các đồ đạc cần thiết khác phải sạch sẽ và nguyên vẹn.</li> <li>- Có điều hòa nhiệt độ.</li> <li>- Có đủ điện, nước.</li> <li>- Buồng lưu mẫu với các điều kiện được kiểm soát (nhiệt độ, độ ẩm không khí), được bảo vệ chống sự xâm nhập của chuột, bọ.</li> </ul> <p><b>Phòng hoặc tủ chứa tài liệu (có khóa)</b></p>	<p><b>Môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng có mái, thông khí.</li> <li>- Có đủ chỗ để đi lại thuận lợi.</li> <li>- Bàn, ghế và các đồ đạc cần thiết khác phải sạch sẽ và nguyên vẹn</li> <li>- Có điều hòa nhiệt độ hoặc quạt thông gió.</li> <li>- Có đủ điện, nước.</li> <li>- Buồng lưu mẫu với các điều kiện được kiểm soát (nhiệt độ, độ ẩm không khí), được bảo vệ chống sự xâm nhập của chuột, bọ.</li> </ul> <p><b>Phòng hoặc tủ chứa tài liệu (có khóa)</b></p>
<p><b>Năng lực cán bộ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải được đào tạo về kiểm nghiệm.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải đọc và hiểu được các chỉ dẫn, các luật lệ liên quan đến công việc của mình.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải thực hiện được các thử nghiệm đối với các kết quả do mình thực hiện.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải biết điền vào phiếu thử nghiệm đối với các kết quả do mình thực hiện.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải biết sử dụng bảng sai số cho phép.</li> </ul>	<p><b>Năng lực cán bộ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải được đào tạo về kiểm nghiệm.</li> <li>- Các cán bộ chủ chốt phải đọc và hiểu được các chỉ dẫn, các luật lệ liên quan đến công việc của mình.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải thực hiện được các thử nghiệm đối với các kết quả do mình thực hiện.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải biết điền vào phiếu thử nghiệm đối với các kết quả do mình thực hiện.</li> <li>- Tất cả cán bộ, nhân viên phải biết sử dụng bảng sai số cho phép.</li> </ul>

## Phụ lục 8: HỆ THỐNG MÃ SỐ

### Giải thích mã và số trong hệ thống

1. Tất cả các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định đồng ruộng được công nhận được cấp một mã số duy nhất, riêng biệt. Tất cả các phòng kiểm nghiệm, người lấy mẫu và người kiểm định đồng ruộng phải đăng ký tại Cục Nông nghiệp theo mã số riêng.

### 2. Mã số của phòng kiểm nghiệm:

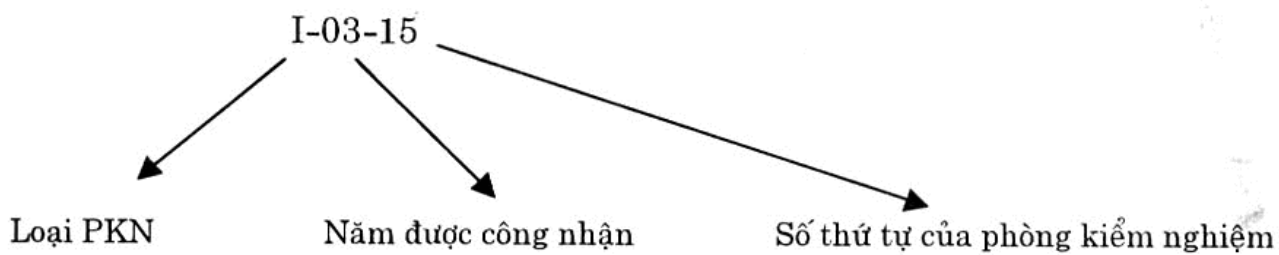
Mã số gồm 3 phần

a) Loại phòng kiểm nghiệm: PKNI hoặc PKNII.

b) Năm được công nhận.

c) Số thứ tự của phòng được công nhận.

Ví dụ mã số của một Phòng kiểm nghiệm:



### 3. Mã số của người lấy mẫu:

Mã số gồm 4 phần

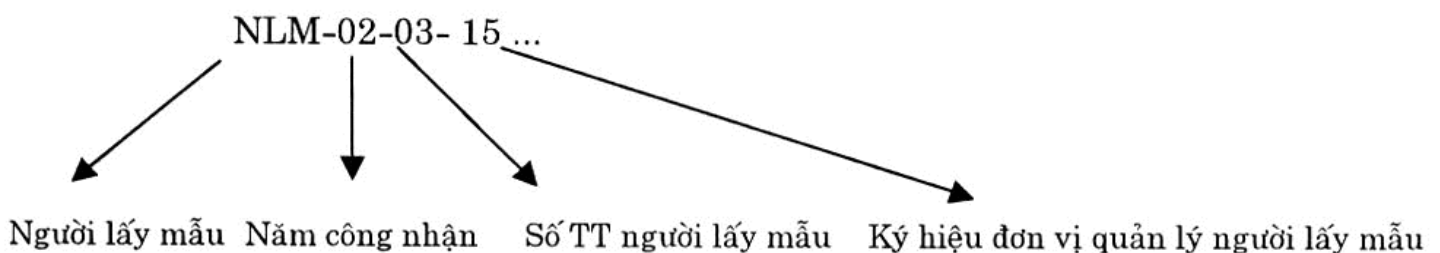
a) Người lấy mẫu (NLM)

b) Năm công nhận.

c) Số thứ tự người lấy mẫu được công nhận.

d) Ký hiệu đơn vị quản lý người lấy mẫu do cơ quan công nhận đặt.

Ví dụ mã số của một người lấy mẫu:



4. Mã số của người kiểm định:

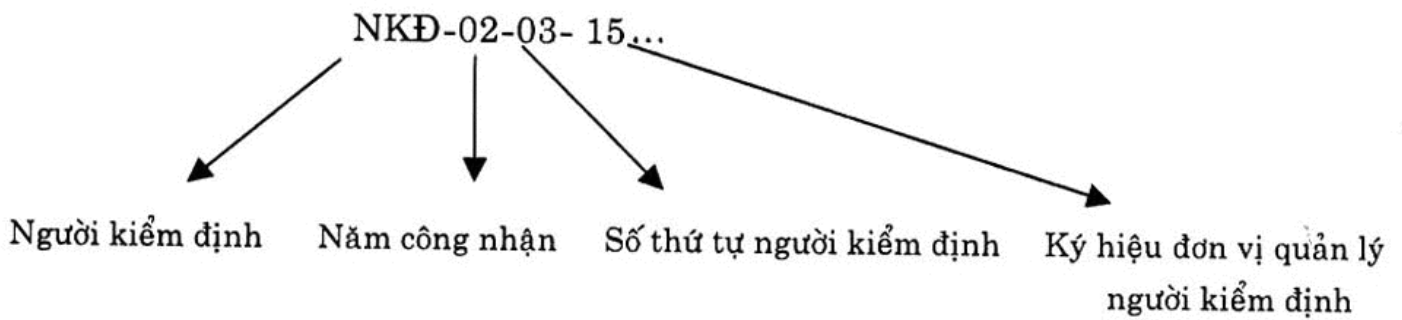
Mã số gồm 4 phần

a) Người kiểm định (NKĐ).

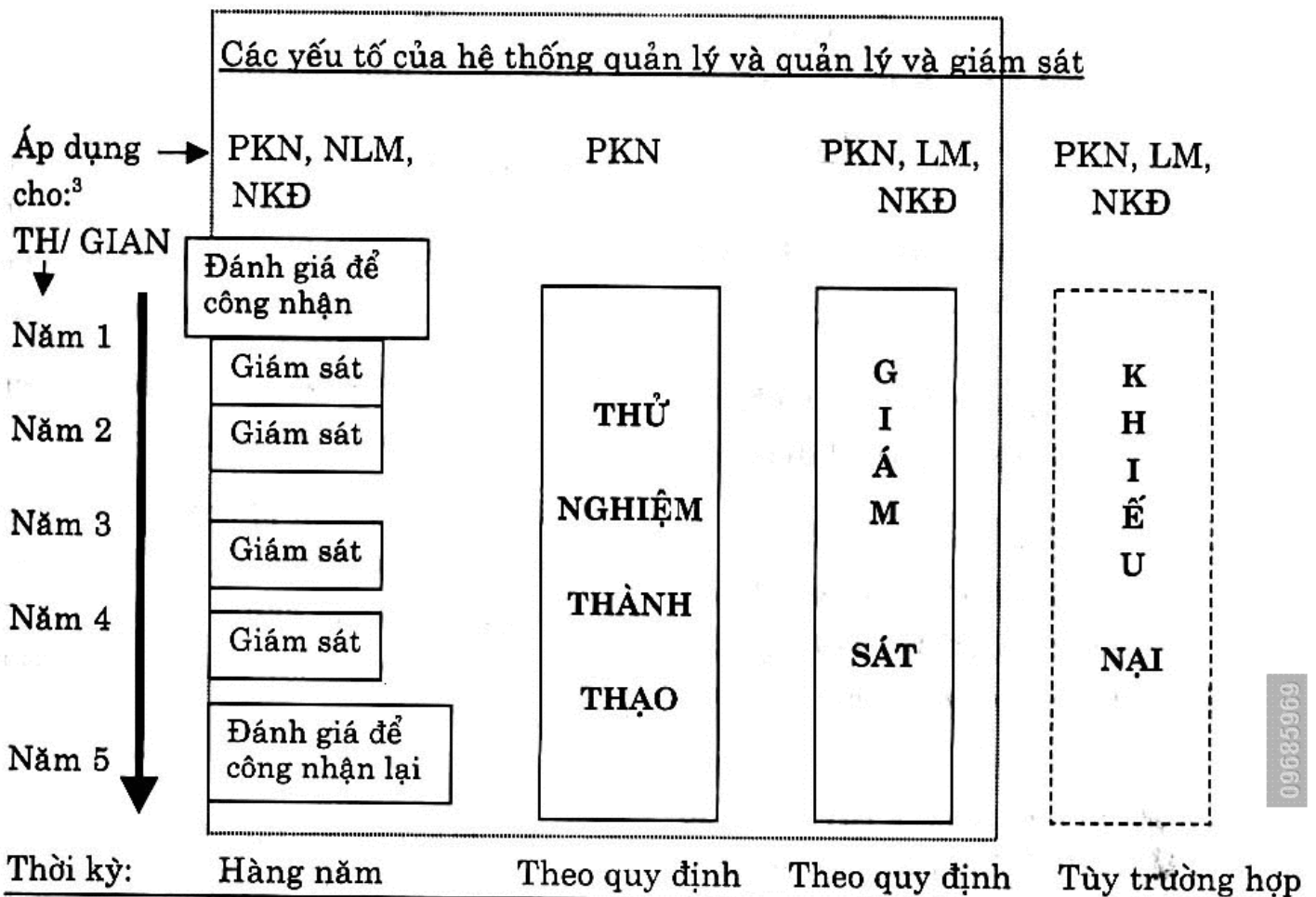
b) Năm được công nhận.

c) Số thứ tự người kiểm định được công nhận

d) Ký hiệu đơn vị quản lý người kiểm định do cơ quan công nhận đặt. Ví dụ mã số của một người kiểm định:



**Phụ lục 9. HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT CÁC PHÒNG KIỂM NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG - LÂM NGHIỆP**



**Đối tượng kiểm tra:**

Hệ thống QLCL và các hoạt động	Khả năng thử nghiệm	Năng lực thử nghiệm hiện tại	Tùy trường hợp
<b>Hướng kiểm tra:</b> Trở về trước	Hiện tại	Trở về trước và hiện tại	Trở về trước
<b>Mức độ kiểm tra:</b> Toàn hệ thống	Phân tích giống tại 1 thời điểm	Tùy sản lượng 1 - 2% của các phép phân tích	Khi có khiếu nại
<b>Dạng kiểm tra:</b> Thanh tra và so sánh LP	Phân tích và so sánh	Phân tích	Tùy trường hợp

<sup>3</sup> Hoạt động để 1 hay 1 số yếu tố quản lý và giám sát tạo thành 1 công cụ kiểm soát thích hợp

Chữ viết tắt:  
 PKN = Phòng kiểm nghiệm hạt giống  
 LM = Lấy mẫu  
 KD ĐR = Kiểm định đồng ruộng.

09685969  
 LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com